

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST.
Ngày 27-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân T (Đ), sinh năm 1987, tại tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ X, phường A, thị xã K, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Ấp X1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Phạm Thị P; có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và một con; tiền sự: Không có; tiền án: Tại Bản án số 04/2011/HSST ngày 07/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, áp dụng khoản 1 Điều 136; Điều 33; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Lê Xuân T 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tại Bản án số 19/2011/HSST ngày 10/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, xử phạt Lê Xuân T 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 04/2011/HSST ngày 07/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, xử phạt Lê Xuân T 60 tháng tù; tại Bản án số 28/2016/HSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p

khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Lê Xuân T 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ ngày 24/4/2020, tạm giam từ ngày 30/4/2020 đến nay; bị cáo có mặt.

2. Trần Minh T1, sinh năm 1984, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Minh H; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền sự, tiền án: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 24/4/2020, tạm giam từ ngày 30/4/2020 đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Việt Nam); địa chỉ: Địa chỉ: Lô XX, đường Y, khu công nghiệp P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Đại diện hợp pháp: Bà Lộc Mỹ K, sinh năm 1988; địa chỉ Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Nai là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/4/2020); vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phan Văn V, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.**

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1951.

3. Anh Lê Đình S, sinh năm 1994.

4. Chị Đỗ Thị O, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp X1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; cùng vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân T, Trần Minh T1 cùng làm chung Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Việt Nam) tại khu công nghiệp P thuộc ấp Bến Kinh, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là công ty H). Ngày 16/4/2020, T rủ T1 trộm cắp tài sản của công ty H bán lấy tiền thì T1 đồng ý. Sau đó, cả hai bàn bạc lợi dụng đêm khuya vắng người đến khu vực công trình không có người trông coi chiếm đoạt các thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng để lên xe mô tô chở đến khu vực bãi đất trống cạnh tường rào của công ty, T đứng bên trong đưa những thanh kim loại ra bên ngoài hàng rào thông qua các lỗ nhỏ để cho T1 đứng bên ngoài nhận. Cả hai thống nhất đến sáng ngày 17/4/2020 thực hiện.

Khoảng 05 giờ ngày 17/4/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 61V1-3493 cùng với T1 điều khiển xe mô tô biển số 70F1-002.55 đi đến khu vực đang lắp ráp máy để sản xuất của công ty thì nhìn thấy những thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng nên T và T1 chiếm đoạt 02 thanh, mỗi thanh có chiều dài 158 cm,

ngang 12 cm, dày 1,32 cm, tổng trọng lượng là 42 kg và 01 thanh có chiều dài 155 cm, ngang 09 cm, dày 1,32 cm, trọng lượng là 18,5 kg để lên xe mô tô biển số 70F1-002.55 cho T chở đến cặp tường rào của công ty. T1 điều khiển xe mô tô biển số 70F1-002.55 ra đứng bên ngoài hàng rào công ty, T đứng bên trong đưa 03 thanh kim loại trên ra bên ngoài cho T1 để lên xe mô tô và cùng nhau chở đến cơ sở thu mua phế liệu không có biển hiệu của anh Lê Đình S và chị Đỗ Thị O tại Ấp X1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh bán được số tiền 1.000.000 đồng, chia nhau mỗi người số tiền 500.000 đồng.

Với thủ đoạn như trên, ngày 19/4/2020, T và T1 chiếm đoạt 08 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox bán cho anh S, chị O được 2.340.000 đồng; T chia cho T1 1.100.000 đồng, T lấy 1.050.000 đồng, còn lại 190.000 đồng T cất giữ tiêu xài chung.

Ngày 21/4/2020, T và T1 tiếp tục chiếm đoạt 10 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng đem cất giấu trong bụi cây cách nơi chiếm đoạt khoảng 01 km thì bị công ty phát hiện và trình báo Cơ quan Công an thị xã Trảng Bàng. Ngày 24/4/2020, T, T1 bị bắt khẩn cấp để điều tra, làm rõ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, kết luận:

- 02 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng, mỗi thanh có chiều dài 158cm, chiều ngang 12cm, dày 1,32cm có tổng trọng lượng 42 kg và 01 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng, có chiều dài 155cm, chiều ngang 09cm, dày 1,32cm có tổng trọng lượng 18,5 kg tại thời điểm ngày 17/4/2020 trị giá 4.719.000 đồng.

- 03 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng, mỗi thanh có chiều dài 158cm, chiều ngang 12cm, dày 1,32cm có tổng trọng lượng 63 kg và 05 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng, mỗi thanh có chiều dài 155cm, chiều ngang 09cm, dày 1,32cm có tổng trọng lượng 92,5 kg tại thời điểm ngày 19/4/2020 trị giá 12.129.000 đồng.

- 10 thanh kim loại bằng thép không gỉ Inox màu trắng, mỗi thanh có chiều dài 158cm, chiều ngang 12cm, dày 1,32cm có tổng trọng lượng 210 kg tại thời điểm ngày 21/4/2020 trị giá 16.380.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSTrB ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Lê Xuân T (Đ) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Trần Minh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân T (Đ) từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Các bị cáo không có tài sản nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Từ ngày 17/4/2020 đến ngày 21/4/2020, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Việt Nam) thuộc khu công nghiệp P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, Lê Xuân T và Trần Minh T1 lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản đã liên tục 03 lần lén lút chiếm đoạt tổng cộng 21 thanh kim loại bằng thép không gỉ màu trắng (Inox) của công ty có tổng trị giá là 33.228.000 đồng (mỗi lần chiếm đoạt giá trị đều trên 2.000.000 đồng). Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân,

muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Vụ án có đồng phạm, bị cáo T là người rủ rê và cùng bị cáo T1 thực hiện 03 lần chiếm đoạt tài sản, trước khi thực hiện đều có sự bàn bạc, chuẩn bị phương tiện phạm tội và phân công vai trò cụ thể của từng người. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo là có tổ chức là tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nên khi quyết định hình phạt có xem xét đến vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Lê Xuân T (Đ): Bị cáo là người chủ mưu, vừa là người thực hành. Bị cáo đã tái phạm lại tiếp tục phạm tội do cố ý là tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (03 lần) là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú lần phạm tội khác. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Minh T1: Sau khi được bị cáo T rủ thì tích cực cùng bị cáo T tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (03 lần) là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú lần phạm tội khác; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại phần tài sản không thu hồi được xong. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với anh Phan Văn V và bà Trần Thị T đã cho T1, T mượn xe mô tô biển số 70F1-002.55 và xe mô tô biển số 61V1-3493 không biết việc T1 và T sử dụng để đi trộm cắp nên không đề cập xử lý.

Đối với Lê Đình S, Đỗ Kim O đã mua các thanh kim loại bằng Inox màu trắng nhưng không biết do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe xe mô tô biển số 70F1-002.55 và xe mô tô biển số 61V1-3493 do Phan Văn V và Trần Thị T là chủ sở hữu. Các bị cáo dùng vào việc phạm tội, anh V, chị T không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V, chị T là phù hợp nên ghi nhận.

- Đối với 13 thanh kim loại Inox đã trả lại cho bị hại xong và bị hại đã nhận số tiền 4.719.000 đồng từ anh Phan Văn V (anh họ của Trần Minh T1) và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

- Đối với số tiền 2.340.000 đồng, các bị cáo đã nhận của anh Lê Đình S, chị Đỗ Thị O. Anh S, chị O không yêu cầu các bị cáo trả lại nên ghi nhận.

- Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, model: CPH1931 màu đen, số Imei 1: 862208040387330, số Imei 2: 8622080387322 thu của bị cáo T1 là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T (Đ)** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2020.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Minh T1** 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Việt Nam) đã nhận lại 13 thanh kim loại Inox, số tiền bồi thường là 4.719.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ghi nhận Phan Văn V đã nhận lại xe mô tô biển số 70F1-002.55.

Ghi nhận bà Trần Thị T đã nhận lại xe mô tô biển số 61V1-3493.

Ghi nhận anh Lê Đình S và chị Đỗ Thị O không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.340.000 đồng.

2.2. Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

Một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, model: CPH1931 màu đen, số Imei 1: 862208040387330, số Imei 2: 8622080387322.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Xuân T (Đ) và Trần Minh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKS TX. Trảng Bàng;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an thị xã Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA TX Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Trường